TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 376/2022/HC-PT
Ngày 30 - 8 - 2022
V/v khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Diệu Nhân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 369/2021/TLPT-HC ngày 29 tháng 9 năm 2021 về việc "*Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính"*, do có kháng cáo của người khởi kiện là bà Đoàn Thị T đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 7403/2022/QĐ-PT ngày 12/8/2022 giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1958, vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, phường X, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Dương Thị Hải Y, sinh năm 1983, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Số nhà 575 C, tổ 2, khu 9, phường H, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2020).

* *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) thành phố L, tỉnh quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố L (theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2020), có đơn xin xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Đặng Quốc H1, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L; ông Phạm Văn T1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường X, thành phố L, vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND phường X, thành phố L;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Văn N1, chức vụ: Chủ tịch UBND phường;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường (theo văn bản ủy quyền số 438/QĐ-UBND ngày 18/11/2020), vắng mặt.

2. Công ty cổ phần xây lắp điện QN;

Địa chỉ: Số 461 đường X, phường X, thành phố L;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Trung N2, chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Trí T2, vắng mặt;

4. Ông Nguyễn Thế T3, vắng mặt;

5. Bà Nguyễn Hà T4, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Tổ 2, khu 1, phường X, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh.

6. Ông Lê Đức H2, vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 9, khu 1, phường Đ, thành phố L;

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T2, ông T3, ông H2, bà T4: Bà Dương Thị Hải Y (theo các văn bản ủy quyền cùng ngày 21/12/2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người kháng cáo:* Bà Đoàn Thị T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/8/2020 bà Đoàn Thị T nhận được Quyết định số 593/QĐ-KPHQ của Chủ tịch UBND thành phố L, tỉnh Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là Quyết định 593) về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định cho rằng bà T đã có hành vi vi phạm hành chính chiếm đất phi nông nghiệp tại khu đô thị, đồng thời buộc bà T phải

khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích đất đã lấn chiếm. Không đồng ý với Quyết định 593, bà T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ Quyết định 593, đồng thời buộc UBND thành phố L phải lập phương án bồi thường, thu hồi đất của gia đình bà đang sử dụng theo quy định của pháp luật.

** Quá trình giải quyết vụ án, bà Đoàn Thị T trình bày:*

Năm 1992 ông Lê Đức H2 được Công ty cổ phần xây lắp điện QN bố trí cho thuê đất mở xưởng sửa chữa xe cơ giới tại khu tập thể Công ty thuộc tổ 54A, khu 4B, phường X, thành phố L. Đến năm 1993, ông H2 đã chuyển nhượng lại phần đất này cho ông Nguyễn Anh T5 (là chồng bà T), việc chuyển nhượng có lập giấy tờ nhưng bà đã làm thất lạc. Từ đó đến nay gia đình bà đã sử dụng ổn định, không vi phạm pháp luật về đất đai, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Ngày 14/8/2020 bà Đoàn Thị T đã đại diện cho 12 hộ dân sinh sống trong khu tập thể của Công ty cổ phần xây lắp điện QN xin xác nhận và đã được các ông Hoàng Văn T6, Nguyễn Xuân H3, Hoàng Tân V (nguyên là Giám đốc Công ty giai đoạn từ năm 1981 - 2000) xác nhận nội dung trên là đúng sự thật, khu tập thể Công ty cổ phần xây lắp điện QN không nằm trong quy hoạch và không lấn chiếm đất công, nên việc Chủ tịch UBND thành phố L ban hành Quyết định 593 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hộ gia đình bà T là trái quy định. Nếu UBND thành phố thu hồi đất gia đình bà đang sử dụng thì phải thực hiện việc thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật, nhưng UBND thành phố L không thông báo thu hồi đất, không tiến hành kiểm đếm, đo đạc; không lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu các nội dung nêu trên.

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố L trình bày:*

Công ty cổ phần xây lắp điện QN được UBND tỉnh Quảng Ninh cho thuê đất theo Quyết định số 2872/QĐ-UBND, ngày 06/11/1996 của UBND tỉnh Quảng Ninh; thời hạn thuê đất là 20 năm, hình thức thuê đất trả tiền đất hàng năm để sử dụng làm trụ sở làm việc và xưởng sản xuất tại phường X; ngày 30/01/2019 UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 413/QĐ-UBND về việc gia hạn thời hạn thuê đất đối với Công ty cổ phần xây lắp điện QN.

Ngày 15/6/2020, UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 1994/QĐ-UBND về việc thu hồi 9.916,2m^2 đất trụ sở làm việc và xưởng sản xuất của Công ty cổ phần xây lắp điện QN giao cho UBND thành phố L quản lý, và ngày 22/9/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh đã làm thủ tục bàn giao diện tích đất nêu trên cho UBND thành phố L quản lý.

Đối với hộ gia đình bà T được Công ty cổ phần xây lắp điện QN cho ở gian tập thể nằm trong giới hạn đất mà Công ty đã thuê của UBND tỉnh Quảng Ninh; sau khi hết hạn thuê đất theo Quyết định gia hạn số 413/QĐ-UBND ngày 30/01/2019, Công ty cổ phần xây lắp điện QN đã làm thủ tục trả đất, nên ngày 15/6/2020 UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành quyết định số 1994/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất nêu trên để giao cho UBND thành phố L quản lý. Sau khi được giao quản lý, UBND thành phố L đã tổ chức kiểm tra, giải tỏa các công trình trên đất, trong đó có hộ bà Đoàn Thị T đã có hành vi chiếm đất tại phần diện tích đất trước kia thuộc ranh giới Công ty quản lý để ở. Ngày 08/8/2020, UBND phường X lập biên bản vi phạm hành chính số 13/BB-VPHC đối với bà Đoàn Thị T về hành vi chiếm đất phi nông nghiệp ở khu vực đô thị với diện tích 62,15m^2, thời điểm chiếm đất là năm 2014; hành vi của bà T đã vi phạm điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định 01/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Tuy nhiên, do hành vi vi phạm đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, nên áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Do đó, UBND phường X đã lập hồ sơ trình UBND thành phố L xem xét. Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019, ngày 08/8/2020 Chủ tịch UBND thành phố L đã ban hành Quyết định số 593 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà T, buộc bà T phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là đúng quy định của pháp luật, hộ bà T không phải là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất, nên không phải đối tượng thu hồi đất, Chủ tịch UBND thành phố L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND phường X, thành phố L trình bày:*

Bà Đoàn Thị T được Công ty cổ phần xây lắp điện QN cho ở gian tập thể nằm trong ranh giới đất mà Công ty thuê của UBND tỉnh Quảng Ninh; sau khi hết thời hạn thuê đất Công ty đã làm thủ tục trả đất; trên cơ sở đơn tự nguyện trả đất của Công ty và kết quả thẩm tra hồ sơ trả lại đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, ngày 15/6/2020 UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 1994/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất đã cho Công ty cổ phần xây lắp điện QN giao cho UBND thành phố L quản lý. Sau khi được giao đất quản lý, UBND thành phố L đã tổ chức kiểm tra, giải tỏa các công trình trên đất, phát hiện hộ gia đình bà T có hành vi lấn chiếm đất công, nên ngày 08/8/2020 UBND phường X đã lập biên bản vi phạm hành chính số……../BB-VPHC đối với gia đình bà Đoàn Thị T đã có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp ở khu vực đô thị; diện tích lấn chiếm là 11,3m x

5,5m = 62,15m^2, thời điểm lấn chiếm là năm 2014. Do hành vi lấn chiếm đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, nên UBND phường X đã hoàn thiện hồ sơ trình UBND thành phố L xem xét là đúng quy định. UBND phường X chưa áp dụng các biện pháp cưỡng chế thì hộ gia đình bà T đã di chuyển; UBND phường X cũng không áp dụng chính sách hỗ trợ gì đối với hộ gia đình bà T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần xây lắp điện QN trình bày:*

Công ty cổ phần xây lắp điện QN được UBND tỉnh Quảng Ninh cho thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc và xưởng sản xuất tại địa chỉ số 461, phường X, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 06/11/1996 của UBND tỉnh Quảng Ninh và hợp đồng thuê đất số 60/HĐ-TĐ ngày 11/6/1996, thời gian thuê đất là 20 năm kể từ ngày 06/11/1996; đến ngày 07/7/2003 được UBND tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 335907, số vào sổ 836/QSDĐ. Sau khi hết thời hạn thuê đất, ngày 06/11/2016 Công ty cổ phần xây lắp điện QN được UBND tỉnh Quảng Ninh gia hạn cho thuê đất lần 1 theo Quyết định số 2516/QĐ-UB ngày 08/8/2016 và Hợp đồng thuê đất số 489/HĐ-TĐ ngày 14/12/2017, thời hạn gia hạn cho thuê đất là 02 năm; ngày 06/11/2018 hết thời hạn gia hạn cho thuê đất lần 1, ngày 30/01/2019 UBND tỉnh Quảng Ninh có Quyết định số 412/QĐ-UBND đồng ý cho Công ty cổ phần xây lắp điện QN được gia hạn thuê đất lần 2 theo hợp đồng thuê đất số 172/HĐ-TĐ, thời hạn gia hạn cho thuê đất đến ngày 06/11/2020. Trong quá trình sử dụng đất, Công ty cổ phần xây lắp điện QN có xây dựng khu tập thể để tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên của Công ty được ổn định chỗ ở, tạo điều kiện cho người lao động có cuộc sống ổn định, yên tâm công tác. Nguồn gốc khu tập thể được xây dựng từ năm 1980 và nằm trong ranh giới đất do Công ty thuê của UBND tỉnh Quảng Ninh; việc bố trí, bàn giao nhà tập thể cho cán bộ, công nhân viên Công ty có thể hiện bằng văn bản; nhưng do thời gian đã lâu, Công ty trải qua nhiều thời kỳ lãnh đạo nên giấy tờ bị thất lạc, hiện không còn lưu trữ. Đất của khu tập thể là đất mà Công ty đã đóng thuế đầy đủ hàng năm cho Nhà nước.

Ngày 18/6/2020, Công ty cổ phần xây lắp điện QN nhận được Quyết định số 1994/QĐ-UBND, ngày 15/6/2020 về việc thu hồi diện tích 9.916,2m^2 đất mà Công ty đã thuê của UBND tỉnh Quảng Ninh; thời gian trả lại đất sạch trước ngày 31/7/2020. Thực hiện Quyết định số 1994/QĐ-UBND, Công ty cổ phần xây lắp điện QN đã tiến hành tháo dỡ, di dời nhà xưởng và bàn giao mặt bằng cùng toàn bộ

giấy tờ cho cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, Công ty cổ phần xây lắp điện QN không có ý kiến gì đối với Quyết định số 593; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trí T2, Nguyễn Thế T3, bà Nguyễn Hà T4 trình bày:*

Nhất trí như ý kiến đã trình bày của bà T, yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ Quyết định số 593.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Đức H2 trình bày:*

Ông nguyên là đội trưởng đội xe của Công ty cổ phần xây lắp điện QN, được Giám đốc Công ty bố trí đất cho mở xưởng sửa chữa xe cơ giới tại khu tập thể Công ty. Khu tập thể này đã được UBND tỉnh Quảng Ninh đồng ý cho Công ty cổ phần xây lắp điện QN xây dựng nhà ở cho cán bộ, công nhân viên công ty để ở. Đến năm 1995 ông H2 chuyển công tác sang đơn vị khác nên đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Anh T5 (là chồng bà T) duy trì xưởng, việc chuyển nhượng có lập giấy viết tay nhưng đã bị thất lạc; ông H2 cho rằng không có căn cứ xác định bà Đoàn Thị T có hành vi vi phạm hành chính về việc chiếm đất, nên không có căn cứ để Chủ tịch UBND thành phố L ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hộ bà T.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 08/8/2020 của Chủ tịch UBND thành phố L và yêu cầu UBND thành phố L thực hiện các thủ tục thu hồi đất, lập phương án bồi thường theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/6/2121, người khởi kiện bà Đoàn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự khác đều vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà Đoàn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định số 593/QĐ-KPHQ ngày 08/8/2020 của Chủ tịch UBND thành phố L, tỉnh Quảng Ninh về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Đây là quyết định hành chính cá biệt của cơ quan hành chính Nhà nước, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 08/8/2020 Chủ tịch UBND thành phố L ban hành quyết định, đến ngày 15/10/2020 bà Đoàn Thị T có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, ngoài yêu cầu xem xét hủy quyết định 593 thì bà Đoàn Thị T còn yêu cầu UBND thành phố L thực hiện thủ tục thu hồi đất đối với thửa đất gia đình bà đang sử dụng; lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định đây là hành vi hành chính của UBND thành phố L bị khởi kiện để thụ lý, giải quyết, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác định đây là hành vi hành chính bị khởi kiện là thiếu sót. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm vẫn đã xem xét, nhận định đánh giá về nội dung này, nên đã được xem xét trong cùng vụ án. Do đó, việc thiếu sót này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, không làm thay đổi bản chất vụ án,

nên không cần thiết hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại, nhưng cấp sơ thẩm cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật, nhưng cấp sơ thẩm không đưa UBND thành phố L vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Vì đương sự còn yêu cầu xem xét đến hành vi hành chính của UBND thành phố L. Tuy nhiên, ý kiến của người đại diện Chủ tịch UBND thành phố L đã có quan điểm về nội dung này và Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, nên việc thiếu sót này không ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, hoặc đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vắng mặt, nhưng người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự kháng đều vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 158; khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

* *Về nội dung:* Xét kháng cáo của bà Đoàn Thị T thấy:

[3] Về nguồn gốc diện tích đất: Năm 1980 nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên có chỗ ở, ổn định yên tâm công tác; Công ty cổ phần xây lắp điện QN đã xây dựng khu tập thể để cho cán bộ, công nhân viên nằm trong ranh giới của Công ty. Thửa đất của bà T đang sử dụng trước đây được Công ty bố trí cho ông Lê Đức H2 thuê để mở xưởng sửa chữa xe cơ giới; đến năm 1995 ông H2 chuyển đơn vị khác nên đã nhượng lại cho ông Nguyễn Anh T5 (là chồng bà T) duy trì xưởng. Mặc dù bà T cho rằng việc chuyển nhượng có lập thành văn bản, nhưng bà không xuất trình được; một thời gian sau gia đình bà T sử dụng để làm nhà ở. Năm 2014 khi thành phố L mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 337, gia đình bà T phải tự tháo dỡ thu hẹp lại chiều dài của nhà nhưng không được đền bù. Đến năm 1996 Công ty xây lắp điện QN được UBND tỉnh Quảng Ninh cho thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất theo Quyết định số 2872/QĐ-UB ngày 06/11/1996 và hợp đồng thuê đất số 60/HĐ-TĐ ngày 11/11/1996; đến năm 2016 được gia hạn thời hạn thuê đất lần 1 và năm 2019 được gia hạn thuê đất lần 2. Khu

tập thể Công ty xây lắp điện QN (trong đó có gia đình bà T) nằm trong diện tích đất mà Công ty thuê của UBND tỉnh Quảng Ninh theo các quyết định và hợp đồng nêu trên. Hết thời hạn thuê đất Công ty xây lắp điện QN đã có đơn xin tự nguyện trả đất, ngày 15/6/2020 UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 1994 thu hồi diện tích đất mà Công ty xây lắp điện QN thuê của UBND tỉnh Quảng Ninh (trong đó có phần đất của bà T đang sử dụng) để giao cho UBND thành phố L quản lý. Như vậy, nguồn gốc đất xây dựng nhà tập thể Công ty xây lắp điện QN là đất thuê của Nhà nước, các hộ gia đình (trong đó có bà T) sử dụng là do Công ty phân nhà tập thể, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất cho hộ gia đình bà T, nên gia đình bà T không phải là chủ sử dụng đất hợp pháp. Do đó, khi thu hồi cấp có thẩm quyền không thực hiện việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với gia đình bà T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bà T yêu cầu UBND thành phố L thực hiện việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình bà là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét Quyết định 593 thấy: Như đã phân tích trên thì gia đình bà T chỉ được ở nhờ nhà tập thể của Công ty xây lắp điện QN, không phải là người được quyền sử dụng đất hợp pháp; diện tích đất gia đình bà T sử dụng nằm trong ranh giới diện tích đất mà Công ty xây lắp điện QN thuê của UBND tỉnh Quảng Ninh và đã bị thu hồi theo Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 để giao cho UBND thành phố L quản lý; quá trình quản lý phát hiện gia đình bà T có hành vi lấn chiếm đất công nên ngày 08/8/2020, UBND phường X đã lập biên bản vi phạm hành chính. Tuy nhiên, do thời điểm vi phạm được xác định từ năm 2014 nên đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, nên UBND phường X đã hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND thành phố L xem xét quyết định là đúng quy định. Do hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, nên Chủ tịch UBND thành phố L đã không quyết định xử phạt vi phạm hành chính, mà trên cơ sở hồ sơ quản lý đất đai, hồ sơ vi phạm hành chính Chủ tịch UBND thành phố L đã ban hành Quyết định số: 593/QĐ-UBND ngày 08/8/2020 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3; điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T có căn cứ.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã giải quyết vụ án đảm bảo đúng, đầy đủ quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự, bà T kháng cáo nhưng

không có thêm tài liệu gì mới làm căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Về án phí: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nhưng bà T là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí, bà đã có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí phúc thẩm cho bà T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

1. Bác kháng cáo của bà Đoàn Thị T; giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Về án phí: Miễn án phí hình chính phúc thẩm cho bà Đoàn Thị T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ (2b), phòng HCTP (2b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm